TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/DS-ST
Ngày: 27-07-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:[6]

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm

2. Ông Phan T Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thúy Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 04 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 297/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Phúc T, sinh năm 1988

Cư trú: số 32 tổ 23 ấp Hòa Long 3, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn:

2.1. Ông Châu Hồng H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị Như L, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: ấp NH, xã NM, huyện C, tỉnh An Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và tự khai của ông Võ Phúc T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Vào ngày 28/10/2018 ông Võ Phúc T cho ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L vay số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất theo lãi suất Ngân hàng quy định, thời hạn vay 02 tháng, mục đích vay kinh doanh mua bán hàng hóa, khi vay có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H và bà L đứng tên. Sau đó, đến ngày 10/5/2020 ông H và bà L đến gặp ông T để lấy lại giấy chứng nhận QSDĐ thế chấp Ngân hàng vay tiền và cam kết trong thời hạn 01 tháng trả tiền vay cho ông T, do nghĩ chỗ bạn bè nên ông T đã giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và bà L, khi đến hạn trả thì ông H và bà L né tránh không thực hiện việc trả nợ cho ông T. Nay ông Võ Phúc T yêu cầu ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L có trách nhiệm liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi phát sinh.

2. Bị đơn: ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông, bà đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ quan điểm như đã trình bày, và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, đủ cơ sở xác định, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tiền ngày 28/10/2018, với nội dung: Ông H vay của ông T số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, tính từ ngày 30/10/2018 – 30/12/2018, lãi suất tính theo quy định của pháp luật tại thời điểm cho vay. Ông H cam kết nếu cố tính chiếm đoạt tài sản sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và sẽ giao lô đất số 03477, diện tích 9.398,90m2 cho ông T. Ngoài ra, ông H còn viết tay, cam kết sẽ trả tiền sau 30 ngày, tính từ ngày 10/5/2020 đến 10/6/2020. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông H, bà L trả số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với bà Nguyễn Thị Như L tuy không trực tiếp ký kết hợp đồng vay tiền, tuy nhiên đây là khoảng nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, hiện tại, cả hai vẫn còn sống chung và mục đích vay là để kinh doanh mua bán nhằm tạo kinh tế chăm lo cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên việc ông T yêu cầu bà L liên đới cùng H trả 300.000.000 đồng là phù hợp các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về lãi xuất, do ông T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phúc T đối với ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L. Buộc ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L có trách nhiệm liên đới trả ông Võ Phúc T số tiền 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[26]

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L về hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; và bị đơn ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L có nơi cư trú: ấp Nhơn Hòa, xã NM, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng vay tài sản, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn; căn cứ vào giấy biên nhận nợ ngày 28/10/2018 do ông Châu Hồng H xác lập thể hiện số tiền vay là 300.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Như L tuy không trực tiếp ký kết hợp đồng vay tiền, tuy nhiên đây là khoảng nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, hiện tại, cả hai vẫn còn sống chung và mục đích vay là để kinh doanh mua bán nhằm tạo kinh tế chăm lo cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông H và bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ là phù hợp Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn là ông H, bà L vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, đủ căn cứ để xác định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn và vẫn còn nợ tiền vốn là 300.000.000 đồng, nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận. Buộc ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Võ Phúc T số tiền là 300.000.000 đồng.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L pH chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 227; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; 466; và Điều 288; Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27; 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Phúc T đối với ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L

Buộc ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L cùng có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Võ Phúc T số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Châu Hồng H và bà Nguyễn Thị Như L pH chịu 15.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Phúc T theo biên lại thu số 0007649 ngày 23/04/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng được sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Trần Ngọc Diệu